

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ SƠN PHÚ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-VP
V/v báo cáo nhu cầu cán bộ,
công chức cấp xã theo quy định tại
Nghị định số 33/2023/NĐ-CP

Sơn Phú, ngày tháng 10 năm 2023

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân huyện Định Hoá;
- Phòng Nội vụ huyện Định Hóa.

Thực hiện Công văn số 5551 UBND-NV ngày 17/10/2023 của Phòng Nội vụ huyện Định Hóa về việc báo cáo nhu cầu cán bộ, công chức cấp xã theo quy định tại Nghị định số 33/2023/NĐ-CP. Ủy ban nhân dân xã Sơn Phú báo cáo các nội dung sau:

(Có biểu 01; 02 chi tiết kèm theo)

Trên đây là công văn về việc báo cáo nhu cầu cán bộ, công chức cấp xã theo quy định tại Nghị định số 33/2023/NĐ-CP của Ủy ban nhân dân xã Sơn Phú./.

Nơi nhận:

- Phòng nội vụ huyện;
- ĐU-HĐND-UBND xã;
- Công an xã;
- Lưu: VP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Âu Văn Được

Thông kê số lượng cán bộ, công chức
(Kèm theo công văn số: UBND-VP ngày 19 tháng 10 năm 2023 của UBND xã Sơn Phú)

TT	Tên ĐVHC cấp xã	Số lượng CBCC cấp xã theo phân loại ĐVHC	Trong đó		Số cán bộ, công chức thực hiện	Trong đó		Số CBCC chưa thực hiện/chưa sử dụng	Trong đó		Lý do chưa thực hiện, chưa sử dụng
			Cán bộ	Công chức		Cán bộ	Công chức		Cán bộ	Công chức	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1	Sơn Phú	20	11	9	19	10	9	01	01		Do thực hiện kiêm nhiệm (Bí thư Đảng uỷ kiêm CT HĐND)
	Tổng số:	20	11	9	19	10	9	01	01		

*** Lưu ý:**

- Số lượng cán bộ công chức (CBCC) thông kê báo cáo tính đến thời điểm 10/10/2023.
- Cột 12: Ghi rõ lý do số CBCC chưa thực hiện (do thực hiện kiêm nhiệm/do nghỉ hưu/chuyển công tác/thôi việc/đang thực hiện quy trình tuyển dụng, các lý do khác...)

BÁO CÁO THỐNG KÊ
Số liệu về diện tích tự nhiên, quy mô dân số, số lượng CBCC đối với ĐVHC cấp xã

TT	Tên ĐVHC cấp xã	Tổng diện tích tự nhiên (km2)	Quy mô dân số (người)			Tiêu chuẩn		Tỷ lệ đạt (%)		Xã miền núi, vùng cao	Loại đơn vị hành chính	Số lượng CBCC cấp xã theo phân loại ĐVHC	Số lượng cán bộ công chức cấp xã tăng thêm		Dự kiến số lượng CBCC cấp xã được giao năm 2024
			Tổng số	Trong đó		Diện tích (km2)	Dân số	Diện tích	Dân số				Diện tích	Dân số	
				Dân số thực tế thường trú	Dân số tạm trú quy đổi										
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16=13+14+15
1	Sơn Phú	14,484	5.669	5.653	16	50	5.000	29%	114%	Xã miền núi	II	20	0	0	20
	Tổng cộng	14,484	5.669	5.653	16	50	5.000	29	114	Xã miền núi	II	20	0	0	20

*** Ghi chú:**

'- Số liệu cột 3, 4, 5, 6 tính đến thời điểm ngày 31/12/2022 (trong đó cột 6 - Dân số quy đổi tính theo quy định tại phần II. Tiêu chí 2. Quy mô dân số - Phụ lục 3 Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13...)

'- Số liệu cột 13 tính theo Khoản 1 Điều 6 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ;

'- Số liệu cột 14, 15 về công chức cấp xã tăng thêm căn cứ theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 6 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ.

